

Bản án số: 208/2017/DS-ST
Ngày: 08 - 5 - 2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh
2. Bà Trần Thị Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2017, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2017/QĐXX-ST ngày 04 tháng 4 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2017/QĐST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty A

Trụ sở: Tầng M, Tòa nhà N, số U đường V, Phường D2, Quận Y1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông M, sinh năm: 1992, trú tại: Số P4 đường S3, Phường T5, Quận F6, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn “Văn bản ủy quyền số 956/UQTT-QTRR.16 ngày 25 tháng 11 năm 2016”.

2. Bị đơn: Bà A Sinh năm: 1974

HKTT: Tổ F, ấp Q, xã X, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi làm việc: Công ty B, địa chỉ: Ấp T1, xã Y, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông M và bà A có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 25 tháng 11 năm 2016 và Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 17 tháng 3 năm 2017, nguyên đơn Công ty A trình bày: Ngày 15/10/2015, bà A có ký Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20151021-500000-0975 với Công ty A và được công ty phê duyệt vào ngày 22/10/2015 để vay số tiền 31,650,000đ (ba mươi một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Mục đích sử dụng vốn vay: Để tiêu dùng cá nhân (mua xe máy).

Lãi suất vay: 2.91%/tháng.

Thời hạn vay: 24 tháng tính từ ngày 22/10/2015.

Hình thức đảm bảo: Không tài sản đảm bảo.

Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi: 24 kỳ, trong đó 23 kỳ đầu mỗi tháng trả nợ 1.853.000 đồng, kỳ cuối cùng khách hàng phải trả số tiền còn lại 2.360.000 đồng. Ngày thanh toán hàng tháng: Ngày 01. Kỳ thanh toán đầu tiên được thực hiện vào ngày 01/12/2015 (kèm theo bảng kế hoạch trả nợ).

Thực hiện hợp đồng, bà A đã được Công ty A giải ngân số tiền trên vào ngày 22/10/2015, tuy nhiên kể từ thời điểm công ty giải ngân cho đến nay, phía bà A đã không thanh toán Công ty A bất cứ khoản tiền gốc và tiền lãi nào dù phía công ty đã nhiều lần nhắc nhở. Công ty xác nhận đến nay bà A còn nợ của Công ty A số tiền nợ gốc là 31.650.000đ (ba mươi một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Đối với tiền lãi phát sinh từ ngày 22/10/2015 đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm thì Công ty A không yêu cầu bà A phải trả lãi.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà phan thị thúy trình bày: Bà A xác nhận có ký Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20151021-500000-0975 ngày 15/10/2015 với Công ty A để vay số tiền 31,650,000đ (ba mươi một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Mục đích sử dụng vốn vay: Để tiêu dùng cá nhân (mua xe máy).

Lãi suất vay: 2.91%/tháng.

Thời hạn vay: 24 tháng tính từ ngày 22/10/2015.

Hình thức đảm bảo: Không tài sản đảm bảo.

Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi: 24 kỳ, trong đó 23 kỳ đầu mỗi tháng trả nợ 1.853.000 đồng, kỳ cuối cùng phải trả số tiền còn lại 2.360.000 đồng. Kỳ thanh toán đầu tiên được thực hiện vào ngày 01/12/2015 (kèm theo bảng kế hoạch trả nợ).

Bà A đã được Công ty A giải ngân số tiền 31,650,000đ (ba mươi một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) vào ngày 22/10/2015. Quá trình thực hiện hợp đồng, do gặp khó khăn về kinh tế nên từ đó cho đến nay bà A vẫn chưa thanh toán cho Công ty A bất cứ khoản nợ vay nào kể cả tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh. Bà A xác nhận đến nay bà A còn nợ Công ty A số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 31,650,000đ (ba mươi một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà A có ý kiến như sau: Bà A đồng ý trả số tiền nợ trên cho Công ty A nhưng đề nghị phía công ty cho bà A được trả thành nhiều lần, cụ thể mỗi tháng trả 1.000.000đ (một triệu đồng)/01 tháng, cho đến khi trả xong số tiền nợ trên.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không thống nhất ý kiến với nhau.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 31,650,000đ (ba mươi một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng), yêu cầu trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc từ ngày 22/10/2015 đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền kể từ sau thời điểm xét xử sơ thẩm theo quyết định của Tòa án, lãi suất phát sinh do chậm trả nguyên đơn yêu cầu tính theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về phía bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến, bị đơn đồng ý trả số tiền nợ gốc 31,650,000đ (ba mươi một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) cho nguyên đơn nhưng đề nghị phía nguyên đơn cho bị đơn được trả trong thời hạn 01 năm. Trường hợp nguyên đơn không đồng ý, bị đơn đề nghị được trả mỗi tháng là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng)/01 tháng cho đến khi trả xong số tiền nợ trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân huyện Củ Chi thụ lý vụ án đến nay, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu của Công ty A là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà A có trách nhiệm trả cho Công ty A số tiền nợ gốc 31,650,000đ (ba mươi một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

- **Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:** Căn cứ hồ sơ vụ án thể hiện bà A có ký Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20151021-500000-0975 ngày 15/10/2015 với Công ty A. Do phía bà A vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đã xảy ra tranh chấp, vì vậy có cơ sở xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, xét thấy bị đơn hộ khẩu thường trú và có nơi làm việc tại huyện Củ Chi. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Về thời hiệu:** Xét Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20151021-500000-0975 ngày 15/10/2015, phê duyệt ngày 22/10/2015. Nội dung

các bên thỏa thuận thời hạn vay là 24 tháng. Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi được thực hiện làm 24 kỳ, kỳ thanh toán đầu tiên thực hiện vào ngày 01/12/2015. Trong quá trình thực hiện hợp đồng do bà A vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh nên vào ngày 16/01/2017, Công ty A đã khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Củ Chi thụ lý vào ngày 06/3/2017. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 quy định “*Đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật này có hiệu lực thì việc áp dụng pháp luật được quy định như sau: d) Thời hiệu được áp dụng theo quy định của Bộ luật này*”. Như vậy, tại thời điểm nguyên đơn khởi kiện còn nằm trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- **Về tố tụng:** Tại Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 16/3/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc từ ngày 22/10/2015 đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Xét thấy việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện của mình là tự nguyện, phía bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu rút này. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

Do trong vụ án này, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ. Căn cứ khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 01/8/2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao, trong trường hợp này Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phải tham gia phiên tòa theo quy định.

- **Về nội dung vụ án:** Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, ngày 15/10/2015 bà A có ký Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 20151021-500000-0975 với Công ty A, được công ty phê duyệt vào ngày 22/10/2015. Nội dung bà A vay của Công ty A số tiền 31,650,000đ (ba mươi một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Mục đích sử dụng vốn vay: Để tiêu dùng cá nhân (mua xe máy).

Lãi suất vay: 2.91%/tháng.

Thời hạn vay: 24 tháng tính từ ngày 22/10/2015.

Hình thức đảm bảo: Không tài sản đảm bảo.

Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi: 24 kỳ, trong đó 23 kỳ đầu mỗi tháng trả 1.853.000 đồng, kỳ cuối cùng khách hàng phải trả số tiền còn lại 2.360.000 đồng. Ngày thanh toán hàng tháng vào ngày 01. Kỳ thanh toán đầu tiên được thực hiện vào ngày 01/12/2015 (kèm theo bảng kế hoạch trả nợ).

Thực hiện hợp đồng, bà A đã được phía Công ty A giải ngân số tiền 31,650,000đ (ba mươi một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) vào ngày 22/10/2015. Sau khi đã nhận tiền giải ngân, phía bà A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi cho Công ty A nên phía công ty đã khởi kiện để yêu cầu bà A thanh toán ngay số tiền nợ gốc 31,650,000đ (ba mươi một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20151021-500000-0975 ngày 15/10/2015 được các bên giao kết tại thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực thi hành. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*Đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật này có hiệu lực thì việc áp dụng pháp luật được quy định như sau: c) Giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết*”. Như vậy, khi giải quyết vụ án này cần pháp áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số: 0102180545 đăng ký lần đầu ngày 15/02/2007 và đăng ký lần cuối cùng vào ngày 14/3/2016 thì Công ty A (chủ sở hữu là Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng) là tổ chức tín dụng. Công ty A và bà A đã ký kết Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20151021-500000-0975 ngày 15/10/2015. Hợp đồng được các bên xác định là tự nguyện thỏa thuận, ký kết phù hợp với quy định tại Điều 389 của Bộ luật dân sự 2005. Hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 401 của Bộ luật dân sự 2005. Về nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không trái quy định của pháp luật và phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty A nên được xác định là hợp pháp và có hiệu lực kể từ thời điểm hợp đồng được giao kết, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 405 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và phía bị đơn cũng đã xác nhận, vào ngày 22/10/2015 bà A đã được Công ty A giải ngân số tiền vay 31,650,000đ (ba mươi một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20151021-500000-0975 ngày 15/10/2015, phê duyệt ngày 22/10/2015. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà A đã không thanh toán cho Công ty A khoản tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh nào như bảng kế hoạch trả nợ mà các bên đã giao kết. Như vậy đã có cơ sở xác định tính đến ngày 08/5/2017, bà A còn nợ của Công ty A số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 31,650,000đ (ba mươi một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Xét thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận của các bên tại điểm 3 Mục IV Phần B và các điểm 6, 7 Phần E của Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20151021-500000-0975 ngày 15/10/2015, phê duyệt ngày 22/10/2015 nên căn cứ vào Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nguyên đơn có quyền thu hồi nợ trước hạn đối với khoản nợ gốc này.

Đối với ý kiến của bị đơn, đề nghị được trả số tiền 31,650,000đ (ba mươi một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) trong thời hạn 01 năm. Trường hợp nguyên đơn không đồng ý, bị đơn đề nghị được trả mỗi tháng là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng). Hội đồng xét xử xét thấy, đối với số tiền nợ gốc này phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn đã lâu, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn, do đó không chấp nhận đề nghị này của phía bị đơn. Việc nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 31,650,000đ (ba mươi một

triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng), yêu cầu trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở.

Về yêu cầu của nguyên đơn, xác định chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền kể từ sau thời điểm xét xử sơ thẩm theo quyết định của Tòa án. Lãi suất phát sinh do chậm trả nguyên đơn yêu cầu được tính theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015. Xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn là tự nguyện, việc yêu cầu tính lãi này là thấp hơn so với thỏa thuận của các bên đã ký tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20151021-500000-0975 ngày 15/10/2015 phê duyệt ngày 22/10/2015, đồng thời cũng có lợi cho phía bị đơn nên được chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát buộc bà A có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc 31,650,000đ (ba mươi một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) cho nguyên đơn, yêu cầu trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn, cụ thể án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu là 1.582.500đ (một triệu năm trăm tám mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền đã nộp 1,028,286đ (một triệu không trăm hai mươi tám nghìn hai trăm tám mươi sáu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0006099 ngày 06/3/2017 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi lập.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 389; Điều 401 và Điều 405 của Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ vào Điều 429; Điều 357; Điều 468 và các điểm c, d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty A.

1.1. Chấm dứt Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20151021-500000-0975 ngày 15/10/2015, phê duyệt ngày 22/10/2015 giữa bà A và Công ty A.

1.2. Buộc bà A có trách nhiệm thanh toán cho Công ty A khoản nợ gốc 31,650,000đ (ba mươi một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) phát sinh từ Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20151021-500000-0975 ngày 15/10/2015, phê duyệt ngày 22/10/2015. Thực hiện làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.3. Kể từ ngày Công ty A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà A chưa thi hành hoặc thi hành chưa đầy đủ đối với số tiền nêu trên thì bà A còn phải trả cho Công ty A tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại các Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút của nguyên đơn đối với tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc từ ngày 22/10/2015 đến ngày 08/5/2017.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm bà A phải chịu là 1.582.500đ (một triệu năm trăm tám mươi hai nghìn năm trăm đồng), bà A chưa nộp án phí.

3.2. Hoàn trả lại cho Công ty A số tiền đã nộp 1,028,286đ (một triệu không trăm hai mươi tám nghìn hai trăm tám mươi sáu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0006099 ngày 06/3/2017 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi lập.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Củ Chi;
- Đương sự;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Chính

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Chính